

UNIT 7: WHAT DOES A ROUTINE LOOK LIKE?

Lesson 15: Language

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh mô tả tần suất mình thực hiện các hoạt động nhất định.

II. Key vocabulary:



Eat dinner
(Ăn tối)



Go to bed
(Đi ngủ)



Brush teeth
(Đánh răng)



Put on pajamas
(Mặc đồ ngủ)





Never
(Không bao giờ)



Sometimes
(Thỉnh thoảng)



Always
(Luôn luôn)



III. Key language:



**What do you do in the evening? I always
brush my teeth. I sometimes read a book. I
never take a bath in the evening.**

